

Số: 991/QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 20 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2018
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;


Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2015 – 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành kèm theo;

Căn cứ Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2015 – 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; 

Căn cứ Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ khi xác định giá đất cụ thể để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất và để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về Ban hành Bộ đơn giá xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình 14.9.3/TTr-STNMT ngày 30 tháng 3..... năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (*ban hành kèm theo Kế hoạch*).

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh, và UBND các huyện, thành phố căn cứ vào Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để thực hiện việc xác định giá đất cụ thể theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chịu trách nhiệm đăng Quyết định này lên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thành phố : Châu Đức, Long Điền, Đất Đỏ, Côn Đảo, Tân Thành, Xuyên Mộc, thành phố Bà Rịa, thành phố Vũng Tàu; Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch (b/c);
- Lưu: VP-TPH.

KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc



KẾ HOẠCH

CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN, THỬA ĐẤT DỰ KIẾN THUÊ ĐƠN VỊ TƯ VẤN ĐỊNH
GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

(Kèm theo Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2018)

I. Mục đích và yêu cầu

1. Mục đích

Xây dựng kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2018 nhằm mục đích giúp cho các cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện việc xác định giá đất cụ thể để kịp thời phục vụ công tác:

- Bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Đấu giá Quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
- Thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong các trường diện tích thửa đất, khu đất có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên tính theo giá đất trong Bảng giá đất của UBND tỉnh ban hành.

2. Yêu cầu

Việc xác định giá đất cụ thể phải được thực hiện khách quan, bảo đảm nguyên tắc và phương pháp định giá đất theo quy định tại Điều 112 Luật Đất đai năm 2013. Đối với trường hợp thuê đơn vị tư vấn định giá đất thì đơn vị đó phải có đủ năng lực, đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

II. Nội dung thực hiện

1. Các khu đất, thửa đất cần định giá đất cụ thể trong năm 2018 là: 286 trường hợp, trong đó:

a. Có 204 khu đất, thửa đất cần định giá đất cụ thể để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013.

b. Có 82 khu đất, thửa đất cần định giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và điểm b khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Việc xác định giá đất cụ thể thực hiện theo các phương pháp so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư. Đối với các dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau thì giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại khoản 2, Điều 18 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

2. Danh mục cụ thể như sau:

a. Danh mục các dự án, công trình; thửa đất, khu đất dự kiến do UBND cấp huyện, thành phố xác định giá đất cụ thể tại Phụ lục 01 và Mục I, III, IV của Phụ lục 02. ✓

b. Danh mục các dự án, công trình; thửa đất, khu đất dự kiến do Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh xác định giá đất cụ thể tại Mục II của Phụ lục 02.

c. Danh mục các dự án, công trình; thửa đất, khu đất dự kiến do Sở Tài nguyên và Môi trường xác định giá đất cụ thể tại Phụ lục 03.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Đối với kinh phí xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính.

- Đối với kinh phí xác định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và điểm b khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: Nguồn ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư liên tịch số 48/2017/ TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính.

Mức phí thuê Đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể thực hiện theo các phương pháp so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về ban hành Bộ đơn giá xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh.

III. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện, thành phố và Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh lựa chọn thuê tổ chức có chức năng tư vấn xây dựng giá đất cụ thể và tổ chức điều tra, tổng hợp thông tin về thửa đất giá đất thị trường, thu thập thông tin về điều kiện kinh tế, xã hội địa phương khu vực thu hồi đất xây dựng phương án giá đất thuộc thẩm quyền, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xem xét thẩm định trước khi trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chịu trách nhiệm lựa chọn thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể đối với các trường hợp dự kiến thuê tư vấn xác định giá đất.

- Hướng dẫn UBND huyện, thành phố và Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh trình tự, thủ tục, hồ sơ trong công tác xác định giá đất cụ thể, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

3. Giao Sở Tài chính thẩm định Dự toán định giá đất cụ thể đối với các trường hợp nêu trên, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định. Đồng thời, hướng dẫn UBND huyện, thành phố lập dự toán, thanh quyết toán đối với các dự án, công trình; thửa đất, khu đất dự kiến do UBND cấp huyện xác định giá đất cụ thể.


Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh công trình, dự án; thửa đất, khu đất cần xác định giá đất cụ thể nằm ngoài Kế hoạch được phê duyệt, đề nghị các sở ngành, đơn vị có liên quan và UBND huyện, thành phố báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét bổ sung theo quy định. /*tk*

PHỤ LỤC 1

CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN, THỬA ĐẤT DỰ KIẾN THUÊ ĐƠN VỊ TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ
 NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BR-VT
 (Kèm theo Quyết định số 991...../QĐ-UBND ngày 20. tháng 4...năm 2018)



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự án)	Diện tích (ha)	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn
Danh mục dự án xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường, giải phóng mặt bằng						
I	UBND huyện Xuyên Mộc					
1	Trường Tiểu học Bông Trang	Xã Bông Trang	ĐGD	0,93	quý I/2018	33.000.000,00
2	Trường Mầm non Sao Việt	Xã Hòa Hiệp	ĐGD	1,95	quý I/2018	33.000.000,00
3	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 328, huyện Xuyên Mộc	Phước Tân, Hòa Bình, Hòa Hưng, Bàu Lắm, Tân Lâm	ĐGT	35,50	quý I/2018	99.000.000,00
4	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 329	TT. Phước Bửu, xã Xuyên Mộc, Hòa Hội, Hòa Hiệp	ĐGT	22,90	quý I/2018	120.000.000,00
5	Đường QH số 3 - Khu Láng Hàng	Xã Bình Châu	ĐGT	1,90	quý I/2018	44.000.000,00
6	Đường quy hoạch D1 - Khu Láng Hàng	Xã Bình Châu	ĐGT	1,64	quý I/2018	44.000.000,00
7	Đường phân ranh giới rừng phòng hộ khu vực Hồ Tràm huyện Xuyên Mộc	Xã Phước Thuận	ĐGT	6,30	quý I/2018	44.000.000,00
8	HTKT khu chế biến thủy sản tập trung (Hạng mục: Đường dân sinh)	Xã Bình Châu	ĐGT	0,18	quý II/2018	33.000.000,00
9	Đường Bàu Bàng	Xã Bình Châu	ĐGT	4,50	quý II/2018	44.000.000,00
10	Đường N4 vòng quanh Bờ Hồ	Phước Bửu, Phước Tân	ĐGT	4,38	quý II/2018	44.000.000,00
11	Nâng cấp, cải tạo đường Thèo Nèo 5 đến QL. 55	Xã Bình Châu	ĐGT	0,75	quý II/2018	44.000.000,00
12	Xây dựng một số đoạn đường gom ven QL. 55 trên địa bàn thị trấn Phước Bửu	TT. Phước Bửu	ĐGT	0,65	quý III/2018	44.000.000,00
13	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 328 (đoạn Phước Tân - Phước Bửu - Hồ Tràm)	Phước Tân, Phước Bửu, Phước Thuận	ĐGT	24,01	quý III/2018	44.000.000,00
14	Nâng cấp, mở rộng đoạn đường nối dài tỉnh lộ 328 đến biển Hồ Tràm	Phước Thuận	ĐGT	0,63	quý III/2018	44.000.000,00
15	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án hồ chứa nước Sông Ray	Xã Hòa Hưng, Tân Lâm và Bàu Lắm	ĐTL	2.115,25	quý II/2018	33.000.000,00

	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự án)	Diện tích (ha)	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn
	Hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực xã Phước Tân, xã Hòa Bình huyện Xuyên Mộc	Xã Hòa Bình, Phước Tân, Xuyên Mộc, Hòa Hội, Hòa Hiệp	DTL	58,51	quý III/2018	70.000.000,00
17	Hệ thống kênh cấp nước mặn phục vụ NTTS bờ trên Kênh Sông Ray	Xã Phước Thuận	ĐTL	17,90	quý II/2018	70.000.000,00
18	HTKT khu chế biến thủy sản tập trung (Hạng mục: Cải tạo, mở rộng mương thoát nước thải)	Xã Bình Châu	ĐTL	0,17	quý II/2018	33.000.000,00
19	Mở rộng chợ Bàu Lắm	Xã Bàu Lắm	SXKD	0,59	quý III/2018	33.000.000,00
20	Nghĩa địa Bàu Lắm-Tân Lắm	Xã Tân Lắm	NTĐ	6,10	quý III/2018	33.000.000,00
21	Khu thể thao liên doanh Việt Nga Vietsopetro	Xã Phước Thuận	SXKD	90,50	quý III/2018	120.000.000,00
22	Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho 06 hộ dân xã Bình Châu	Bình Châu,	ĐNN	2,31	quý III/2018	40.000.000,00
23	Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho 02 hộ dân xã Hòa Hưng, Hòa Bình	Hòa Hưng, Hòa Bình	DNN	1,05	quý IV/2018	40.000.000,00
24	Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho các hộ dân Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	ĐNN	1,4	quý II/2018	33.000.000,00
24 dự án						1.219.000.000,00

II	UBND huyện Châu Đức					
1	Công trình A1	Xã Cù Bì	ĐQP	24,30	quý I/2018	49.060.000,00
2	Thu hồi bổ sung xây dựng trụ sở BCHQS xã Bình Trung (3 hộ)	Xã Bình Trung	ĐQP	0,02	quý II/2018	11.000.000,00
3	Xây dựng thao trường huấn luyện tại xã Bình Trung	Xã Bình Trung	ĐQP	2,00	quý II/2018	33.000.000,00
4	Trung tâm y tế huyện Châu Đức	TT. Ngãi Giao	DYT	3,12	quý I/2018	44.000.000,00
5	Trạm vận chuyển cấp cứu số 1	Xã Xà Bang	DYT	0,08	quý III/2018	15.000.000,00
6	Trạm vận chuyển cấp cứu số 2	Xã Suối Nghệ	DYT	0,23	quý III/2018	15.000.000,00
7	Trạm vận chuyển cấp cứu số 3	Xã Xuân Sơn	DYT	0,22	quý III/2018	15.000.000,00
8	Trường Cao Đẳng Nông Lâm	Xã Đá Bạc	ĐGD	10,00	quý III/2018	77.660.000,00
9	Trường Tiểu học Trần Phú xã Suối Rao	Xã Suối Rao	ĐGD	1,00	quý II/2018	33.000.000,00
10	Trường THCS Kim Long	Xã Kim Long	ĐGD	0,86	quý III/2018	33.000.000,00
11	Đường Trần Hưng Đạo nối dài	TT. Ngãi Giao, xã Bình Ba	ĐGT	8,20	quý I/2018	44.000.000,00
12	Dự án cải tạo nâng cấp đường Cảnh Đồng Don - Suối Sỏi	Xã Nghĩa Thành	ĐGT	6,60	quý II/2018	49.060.000,00
13	Dự án đường ĐT 992C (nối dài đường Lộc An - Phước Long Thọ huyện Đất Đỏ) đến giáp đường ĐT 991B (Đường Đá Bạc - Suối Rao, huyện Châu Đức)	Xã Suối Rao, Đá Bạc	ĐGT	13,60	quý II/2018	64.160.000,00



	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự án)	Diện tích (ha)	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn
14	Dự án đường vào khu công nghiệp Đá Bạc (từ đường Hội Bài - Châu Pha - Đá Bạc - Phước Tân đến đường Quảng Phú - Phước An).	Xã Đá Bạc	ĐGT	4,70	quý III/2018	44.000.000,00
15	Đường trung tâm xã Kim Long	Xã Kim Long	ĐGT	6,20	quý III/2018	44.000.000,00
16	Đường B xã Kim Long	Xã Kim Long	ĐGT	7,20	quý III/2018	75.000.000,00
17	Đường Bình Ba - Bình Trung	Xã Bình Ba, Bình Trung	ĐGT	8,20	quý I/2018	75.000.000,00
18	Xây dựng cầu sông Cầu tổ 26 xã Nghĩa Thành	Xã Nghĩa Thành	ĐGT	0,13	quý II/2018	15.000.000,00
19	Xây dựng cầu sông Cái xã Nghĩa Thành	Xã Nghĩa Thành	ĐGT	0,14	quý II/2018	15.000.000,00
20	Kênh nội đồng Hồ chứa nước Sông Ray	Xã Suối Rao, Đá Bạc	ĐTL	2,84	quý II/2018	44.000.000,00
21	Hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực xã Phước Tân, xã Hòa Bình huyện Xuyên Mộc	Xã Sơn Bình	ĐTL	0,36	quý II/2018	33.000.000,00
22	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao	Xã Quảng Thành	ĐTL	11,40	quý III/2018	44.000.000,00
23	Các lộ ra 110kV Trạm biến áp 220kV Châu Đức	Xã Suối Nghệ, Bình Ba	ĐNL	0,62	quý II/2018	33.000.000,00
24	Đường dây 110kV mạch 2 từ trạm 220kV Hàm Tân 2 - Xuyên Mộc - Bà Rịa - Trạm 220kV Châu Đức	Xã Suối Rao, Đá Bạc, Bình Ba	ĐNL	0,56	quý III/2018	44.000.000,00
25	Đường dây 110kV Hàm Tân 2 - Tân Đức - Ngãi Giao	TT. Ngãi Giao	ĐNL	0,07	quý III/2018	33.000.000,00
26	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 52 đoạn qua xã Đá Bạc, huyện Châu Đức.	Xã Đá Bạc	ĐGT	0,63	quý III/2018	15.000.000,00
	26 dự án					996.940.000,00
III	UBND huyện Tân Thành					
1	Mở rộng Ban CHQS huyện Tân Thành	TT. Phú Mỹ	ĐQP	2,02	quý I/2018	33.000.000,00
2	Diện tích đất hồ ranh giữa đường Phước Hòa - Cái Mép và KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3	Xã Phước Hòa	ĐGT	2,00	quý I/2018	60.000.000,00
3	Khu công nghiệp Phú Mỹ III	Phước Hòa, Tân Hòa	SXKD	1.022,82	quý I/2018	99.880.000,00
4	Cụm công nghiệp Tóc Tiên	Xã Tóc Tiên	SXKD	34,61	quý I/2018	60.000.000,00
5	Cụm công nghiệp Hắc Dịch 2	Xã Hắc Dịch	SXKD	43,68	quý I/2018	60.000.000,00
6	Cụm công nghiệp Đá Tây - Đá chẻ	Xã Tân Phước	SXKD	21,00	quý I/2018	60.000.000,00
7	Trạm vận chuyển cấp cứu	Xã Mỹ Xuân	SXKD	0,21	quý I/2018	33.000.000,00
8	Mở rộng Trường THCS Phan Chu Trinh	Xã Mỹ Xuân	GD	1,36	quý II/2018	33.000.000,00
9	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Mỹ Xuân	GD	1,50	quý II/2018	33.000.000,00
10	Trường tiểu học Hắc Dịch	Xã Hắc Dịch	GD	0,90	quý II/2018	33.000.000,00



	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự án)	Diện tích (ha)	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn
12	Trồng rừng non xã Hắc Dịch 2	Xã Hắc Dịch	GD	0,90	quý II/2018	33.000.000,00
12	Khu tái định cư xã Tân Phước (Đường quy hoạch C)	Xã Tân Phước	ODT	0,51	quý III/2018	50.000.000,00
13	Đường quy hoạch S	Xã Tân Phước, Xã Mỹ Xuân	ĐGT	39,70	quý III/2018	99.880.000,00
14	Đường số 3 khu dân cư 8A đô thị mới Phú Mỹ (từ QL 51 đến đường C, xã Mỹ Xuân).	Xã Mỹ Xuân	ĐGT	2,20	quý III/2018	50.000.000,00
15	Đường quy hoạch số 1 khu trung tâm dân cư xã Sông Xoài.	Xã Sông Xoài	ĐGT	1,70	quý II/2018	40.000.000,00
16	Khu chức năng cảng thủy nội địa-kho bãi thuộc KCN Phú Mỹ III	Phước Hòa	ĐGT	57,00	quý III/2018	60.000.000,00
17	Xây dựng và khai thác Cảng trên Sông Thị Vải	TT. Phú Mỹ	ĐGT	15,00	quý II/2018	60.000.000,00
18	Dự án đầu tư đường gom dọc theo tuyến QL 51 qua địa bàn huyện Tân Thành	huyện Tân Thành	ĐGT	60,00	quý II/2018	160.000.000,00
19	Đường quy hoạch 32 nối dài đô thị mới Phú Mỹ	Xã Tân Phước	ĐGT	0,40	quý III/2018	33.000.000,00
20	Đường Phạm Ngọc Thạch	Xã Tân Phước	ĐGT	0,19	quý III/2018	40.000.000,00
21	Đường số 7 khu dân cư 8B Mỹ Xuân	Xã Mỹ Xuân	ĐGT	0,96	quý III/2018	40.000.000,00
22	Đường quy hoạch 46 nối dài đô thị mới Phú Mỹ	TT. Phú Mỹ	ĐGT	5,40	quý III/2018	40.000.000,00
23	Đường dân sinh sắt ranh KCN Mỹ Xuân B1 - Conac nối từ đường B1 đến đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao.	Xã Mỹ Xuân	DGT	1,38	quý IV/2018	40.000.000,00
24	Đường dân sinh bên cạnh cụm TTCN Hắc Dịch	Xã Hắc Dịch	ĐGT	0,21	quý II/2018	40.000.000,00
25	Thu gom, xử lý và thoát nước khu đô thị mới Phú Mỹ, huyện Tân Thành	Mỹ Xuân, Phú Mỹ, Tân Phước, Phước Hòa, Tân Hòa	ĐGT	17,21	quý II/2018	40.000.000,00
26	Tuyến cống bao nằm dọc hành lang kỹ thuật QL51	Mỹ Xuân, Phú Mỹ, Tân Phước, Phước Hòa, Tân Hòa	DGT	2,47	quý II/2018	50.000.000,00
27	Nâng cấp đê Chu Hải	Xã Tân Hải	ĐGT	4,27	quý II/2018	50.000.000,00
28	Trạm biến áp 110kV Cảng Cái Mét và đường dây đầu nối	Xã Phước Hòa và Tân Phước	SXKD	0,48	quý II/2018	40.000.000,00
29	Trạm biến áp 110kV KCN Long Sơn và đường dây đầu nối	Xã Tân Hải, Tân Hòa	SXKD	0,29	quý II/2018	40.000.000,00
30	Trạm biến áp 110kV KCN Mỹ Xuân A2 và đường dây đầu nối	Xã Mỹ Xuân	SXKD	0,30	quý II/2018	40.000.000,00
31	Trạm biến áp 110kV TP. Phú Mỹ và đường dây đầu nối	TT. Phú Mỹ	SXKD	0,52	quý III/2018	40.000.000,00
32	Trạm biến áp 110kV Tóc Tiên và đường dây đầu nối	Xã Tóc Tiên	SXKD	1,25	quý III/2018	40.000.000,00
33	Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	Tân Hải, Tân Hòa, Phước Hòa, Tân Phước, Phú Mỹ	SXKD	6,88	quý III/2018	80.000.000,00
34	Dự án nhà ở cho CBCNV và chuyên gia thuộc KCN Mỹ Xuân B1-Conac	Xã Mỹ Xuân	ODT	3,47	quý III/2018	40.000.000,00
35	HTKT khu tái định cư và nhà ở xã hội TT. Phú Mỹ (gđ 1)	TT. Phú Mỹ	ODT	37,00	quý II/2018	120.000.000,00
36	Trồng tu tôn tạo địa đạo Hắc Dịch	Xã Hắc Dịch	ĐVH	2,92	quý III/2018	60.000.000,00



	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự án)	Diện tích (ha)	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn
27	Trạm Rửa và Nhà trạm	Xã Tân Phước	SXKD	0,81	quý III/2018	33.000.000,00
28	Mô đun chế biến xây dựng tại ấp 4- Tóc Tiên	Xã Tóc Tiên	SXKD	7,86	quý IV/2018	60.000.000,00
39	Dự án trồng hoa Cúc cắt cánh xuất khẩu ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Tân Thành	Xã Sông Xoài	SXKD	10,00	quý II/2018	60.000.000,00
40	Dự án đầu tư Trang trại nông nghiệp công nghệ cao Vifarm	Xã Sông Xoài	SXKD	10,00	quý IV/2018	60.000.000,00
41	Khai thác vật liệu san lấp Bắc Bao Quan	Xã Tóc Tiên và xã Châu Pha	SXKD	22,5	quý IV/2018	40.000.000,00
42	Khu nhà ở công nhân của Công ty TNHH Living & Life Vina	TT Phú Mỹ	ODT	1,54	quý IV/2018	40.000.000,00
	42 dự án					2.223.760.000,00
IV	UBND thành phố Bà Rịa					
1	Đại đội Trinh sát	xã Long Phước	DAN	12,59	quý I/2018	40.000.000,00
2	Trụ sở công an Phường Phước Nguyên	phường Phước Nguyên	DAN	0,1	quý I/2018	20.000.000,00
3	Trụ sở công an Phường Phước Hưng	phường Phước Hưng	DAN	0,05	quý II/2018	20.000.000,00
4	Cụm công nghiệp, TTCN Long Hương 2	phường Long Hương	SXKD	20	quý II/2018	98.000.000,00
5	Cụm công nghiệp Hòa Long (gd 2)	phường Hòa Long	SXKD	50	quý II/2018	98.000.000,00
6	Khu TĐC phường Phước Hưng	Phường Phước Hưng	ODT	5,38	quý III/2018	50.000.000
7	Bệnh viện quốc tế - Trường Đại học y khoa Bà Rịa	Phường Long Hương	ĐYT	5	quý III/2018	98.000.000,00
8	Trạm vận chuyển cấp cứu số 1	Phường Kim Dinh	ĐYT	0,11	quý III/2018	20.000.000,00
9	Trạm vận chuyển cấp cứu số 2	Phường Long Toàn	ĐYT	0,13	quý IV/2018	20.000.000,00
10	Trạm vận chuyển cấp cứu số 3	Xã Hòa Long	ĐYT	0,13	quý IV/2018	20.000.000,00
11	Trường Tiểu học bán trú phường Phước Trung	phường Phước Trung	ĐGD	1,38	quý II/2018	40.000.000,00
12	Trường Mầm non Long Phước 2	xã Long Phước	ĐGD	1,11	quý II/2018	40.000.000,00
13	Sân bóng đá Kim Dinh	Phường Kim Dinh	ĐTT	1,75	quý II/2018	33.000.000,00
14	Sân bóng đá Long Hương	Phường Long Hương	ĐTT	1	quý II/2018	33.000.000,00
15	Nhà thi đấu đa năng xã Long Phước	xã Long Phước	ĐTT	0,2	quý II/2018	28.000.000,00
16	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 52	Xã Hòa Long, xã Long Phước	DGT	16	quý II/2018	98.000.000,00
17	Đường vào khu NTTS (đoạn qua dự án khu đô thị Nam QL51, phường Long Hương	Phường Long Hương	ĐGT	0,67	quý II/2018	50.000.000,00
18	Dự án bổ sung những hạng mục còn lại và đường vào công trình Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	Xã Hòa Long	ĐGT	11,15	quý III/2018	50.000.000,00
19	Cầu tổ 26	Xã Hòa Long	ĐGT	0,19	quý III/2018	20.000.000,00



Tên công trình, dự án	Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự án)	Diện tích (ha)	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn	
20	Xã Tân Hưng	ĐGT	0,25	quý III/2018	20.000.000,00	
21	Dự án cải tạo nâng cấp đường Cảnh Đồng Đơn - Suối Sỏi	Xã Hòa Long	ĐGT	8,5	quý III/2018	88.000.000,00
22	Đường Nguyễn An Ninh nối dài (thuộc dự án 20km nội thị)	Phường Kim Dinh	ĐGT	2,19	quý II/2018	35.000.000,00
23	Đường Nguyễn An Ninh (thuộc dự án 20km nội thị)	Phường Long Hương	ĐGT	1,15	quý II/2018	35.000.000,00
24	Đường Nguyễn Cư Trinh (thuộc dự án 20km nội thị)	Phường Long Hương	ĐGT	1,17	quý II/2018	35.000.000,00
25	Đường Võ Ngọc Chân (thuộc dự án 20km nội thị)	Phường Long Hương	ĐGT	1,53	quý II/2018	35.000.000,00
26	Đường QH số 3 (thuộc dự án 20km nội thị)	Xã Long Phước	ĐGT	0,84	quý III/2018	88.000.000,00
27	Mở rộng đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Phước Hiệp	ĐGT	6,5	quý III/2018	50.000.000,00
28	Đường phía Bắc Bệnh viện Bà Rịa	Xã Hòa Long, phường Long Tâm	ĐGT	3,03	quý III/2018	50.000.000,00
29	Đường vào khu tập thể Biên phòng, phường Phước Hưng	Phường Phước Hưng	ĐGT	0,3	quý III/2018	35.000.000,00
30	Đường nối Nguyễn Văn Linh-Điện Biên Phủ (đường vào hồ KH3, phường Phước Nguyên)	Phường Phước Nguyên	ĐGT	0,5	quý III/2018	35.000.000,00
31	Đường ranh đất Ngăn hàng (Khu nhà ở phía Tây Trung tâm hành chính tỉnh)	Phường Phước Trung	ĐGT		quý III/2018	35.000.000,00
32	Đường Ngô Gia Tự nối dài (Khu nhà ở phía Tây Trung tâm hành chính tỉnh)	Phường Phước Trung	ĐGT	0,3	quý III/2018	35.000.000,00
33	Đường Bạch Đằng - Ranh đất Ngăn hàng (Khu nhà ở phía Tây Trung tâm hành chính tỉnh)	Phường Phước Trung	DGT	0,5	quý III/2018	20.000.000,00
34	Chỉnh trang Đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn giao 27/4 - đường Hùng Vương)	Phường Phước Hưng	ĐGT	1,2	quý III/2018	35.000.000,00
35	Nâng cấp đường Nguyễn Thị Định (đoạn CMT8-Điện Biên Phủ)	Phường Phước Nguyên	ĐGT	0,65	quý II/2018	20.000.000
36	Đường Chu Văn An nối dài, phường Long Tâm	Phường Long Tâm	DGT	0,16	quý II/2018	20.000.000
37	Đường Trần Quang Diệu, phường Long Toàn	Phường Long Toàn	ĐGT	2,0	quý III/2018	35.000.000
38	Đường Đồng Tây giáo xứ Dũng Lạc, phường Phước Nguyên	Phường Phước Nguyên	ĐGT	0,5	quý III/2018	20.000.000
39	Đường Tôn Đức Thắng nối dài	Phường Phước Trung	ĐGT	0,3	quý III/2018	20.000.000
40	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương Cầu Vong - Bà Đấp (đoạn từ Đấp Bà Đấp đến Đá Me Heo)	Xã Long Phước	ĐGT	3,19	quý II/2018	59.000.000
41	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Bà Đấp (năm 2012)	Xã Long Phước	ĐGT	0,43	quý III/2018	30.000.000
42	Xây dựng tuyến N4 - đập Sông Dinh I	Xã Tân Hưng	ĐGT	0,34	quý II/2018	30.000.000
43	Nâng cấp đê Chu Hải	Phường Long Hương, phường Kim Dinh	ĐGT	17,0	quý III/2018	60.000.000
44	Kiên cố hóa kênh Bàu Súng đến Đập cây Trâm	Xã Long Phước	ĐTL	4,88	quý III/2018	50.000.000



	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự án)	Diện tích (ha)	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn
45	Kiến cơ hóa tuyến đường cây Đa Tập đoàn 8	Xã Long Phước	ĐTL	0,81	quý IV/2018	30.000.000
46	Kiến cơ hồ tuyến đường Ông Hoàn	Xã Long Phước	ĐTL	0,78	quý IV/2018	30.000.000
47	Kiến cơ hóa tuyến kênh N2-17 đến đường nội đồng số 14	Xã Long Phước	ĐTL	2,25	quý IV/2018	30.000.000
48	Kiến cơ hóa tuyến kênh N2-15	Xã Long Phước	ĐTL	1,94	quý IV/2018	30.000.000
49	Kiến cơ hóa tuyến kênh N2-7 đến giáp đường N2-9	Xã Long Phước	ĐTL	7,47	quý IV/2018	50.000.000
50	Tuyến cống thoát nước cụm Công nghiệp Hòa Long	Xã Hòa Long	ĐTL	0,2	quý II/2018	30.000.000
51	Trạm biến áp 110kV Bà Rịa 2 và đường dây đầu nối	Phường Phước Trung, Long Hương, Kim Dinh	ĐNL	0,49	quý IV/2018	30.000.000
52	Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 + Trạm khí đốt	Phường Phước Trung, Long Hương, Kim Dinh	ĐNL	6,10	quý IV/2018	99.000.000
53	Hành lang an toàn Trạm phân phối khí Bà Rịa tại phường Long Hương, thành phố Bà Rịa	phường Long Hương	ĐNL	0,4	quý IV/2018	30.000.000
54	Hạ tầng thương mại-Chợ Kim Dinh	Phường Kim Dinh	ĐGT	0,2		30.000.000
55	Trùng tu tôn tạo và nâng cấp địa đạo Long Phước	Xã Long Phước	ĐVH	5,4	quý I/2018	80.000.000
56	Trụ sở Trung tâm kiểm định chất lượng công trình giao thông tỉnh	Phường Long Tâm	ĐNL	0,43	quý II/2018	80.000.000
57	Xây dựng Hội trường Đảng TP. Bà Rịa	Phường Phước Hiệp	ĐTS	0,5	quý III/2018	50.000.000,00
58	Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh	Phường Long Toàn	ĐTS	1,73	quý III/2018	50.000.000,00
59	Trụ sở làm việc Chi cục bảo vệ môi trường	Phường Phước Trung	ĐTS	0,13	quý III/2018	50.000.000,00
60	Trụ sở làm việc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Phường Long Tâm	ĐTS	0,25	quý III/2018	50.000.000,00
61	Mở rộng nghĩa trang - xã Hòa Long	Xã Hòa Long	ĐNT	1,0	quý III/2018	50.000.000,00
62	Trụ sở ấp Đồng xã Long Phước	Xã Long Phước	ĐTS	0,03	quý III/2018	80.000.000,00
63	Trụ sở KP Nam Dinh-Kim Dinh	Phường Kim Dinh	ĐTS	0,05	quý III/2018	80.000.000,00
64	Trụ sở ấp Phước Tân 4- Tân Hưng	xã Tân Hưng	ĐTS	0,05	quý III/2018	50.000.000,00
65	Công viên Bà Rịa (gđ 2)	Phường Phước Nguyễn	ĐVH	30	quý III/2018	50.000.000,00
66	Hoa viên UBND xã Long Phước	Xã Long Phước	ĐVH	0,53	quý III/2018	50.000.000,00
67	Hoa viên phường Kim Dinh	Phường Kim Dinh	ĐVH	0,45	quý III/2018	50.000.000,00
68	Hoa viên các chợ cũ phường Kim Dinh	Phường Kim Dinh	ĐVH	0,1	quý III/2018	25.000.000,00
69	Công viên Nghĩa địa Việt Hoa	Phường Phước Nguyễn	ĐVH	0,1	quý III/2018	25.000.000,00
70	Khu ĐC phường Kim Dinh	Phường Kim Dinh	ĐTS	3,1	quý III/2018	50.000.000,00
71	Phần Mở rộng HTKT khu ĐC 30/4	Phường Long Toàn	ĐGT	0,39	quý III/2018	25.000.000,00
72	Khu ĐC xã Hòa Long	Xã Hòa Long	ĐDT	16,4	quý III/2018	95.000.000,00



Tên công trình, dự án		Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự án)	Diện tích (ha)	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn
72 dự án						2.287.000.000,00
V	UBND thành phố Vũng Tàu					
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu TTCN Phước Thắng, phường 12 và Khu đô thị Phước Thắng	phường 12	SXKD	1.146,00	quý I/2018	99.000.000,00
2	Trường Tiểu học Thắng Nhì	Thắng nhì	ĐGD	0,7	quý I/2018	55.000.000,00
3	Khu Biệt thự Đồi Ngọc Tước II	phường 2	SXKD	2,3	quý I/2018	99.000.000,00
4	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng phường 12	phường 12	ĐGD	0,29	quý I/2018	60.000.000,00
5	Lắp đặt hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Thùy Vân	phường 2	DGT	0,2	quý II/2018	60.000.000,00
6	Trường MN Nguyễn An Ninh	phường 8	ĐGD	0,32	quý II/2018	Trình giá đất tương đồng dự án lân cận
7	Trường MN Hàng Điều	phường 11	ĐGD	0,77	quý II/2018	như trên
8	Trung tâm VHHT cộng đồng phường Thắng Nhất	Thắng nhất	ĐGD	0,29	quý II/2018	như trên
9	Nút giao thông Trương Công Định - Trần Đồng - Lê Lai.	phường 1 và 3	ĐGT	0,57	quý II/2018	như trên
10	Kết nối tuyến đường vào Trụ Sở UBND phường 10 với Khu đô thị Chí Linh	Phường 10	DGT	0,35	quý II/2018	như trên
11	Nâng cấp hẻm 88 Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Thắng Nhất	DGT	0,13	quý II/2018	như trên
12	Xây dựng tuyến đường hẻm kết nối giữa đường 3/2 với đường Công Hộp phường 8	phường 8	DGT	0,18	quý II/2018	như trên
13	Mở rộng Hẻm số 90 đường Hoàng Văn Thụ nối hông ra đường Trương Công Định	phường 7	DGT	0,18	quý II/2018	như trên
14	Cải tạo nâng cấp đường Triệu Việt Vương	phường 4	ĐGD	0,417	quý II/2018	như trên
15	Cải tạo, nâng cấp đườn Nguyễn Thiện Thuật (đoạn từ Trạm Y tế đến Ngã ba Hàng Dương)	Thắng Nhất	ĐGT	0,408	quý II/2018	như trên
16	Tuyến mương thoát nước cho lưu vực phường 10, phường Rạch Dừa ra hồ Rạch Bà thành phố Vũng Tàu	Rạch dừa. 10	ĐGT	0,0198	quý I/2018	như trên
16 dự án						373.000.000,00
VI	UBND huyện Côn Đảo					
1	Trường Mầm Non Côn Đảo	huyện Côn Đảo	ĐGD	0,52	quý II/2018	55.000.000,00
2	Trường tiểu học Côn Đảo	huyện Côn Đảo	ĐGD	0,797	quý III/2018	55.000.000,00
3	Xây dựng trường Mầm Non Bến Đầm	huyện Côn Đảo	ĐGD	0,42	quý III/2018	30.000.000,00
4	Xây dựng trụ sở làm việc khu dân cư số 10	huyện Côn Đảo	ĐTS	1,06	quý II/2018	30.000.000,00



	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự án)	Diện tích (ha)	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn
	Kay dựng sàn tập mặt bằng phân lô cắm mô Lô K	huyện Côn Đảo	ĐGT	0,7	quý IV/2018	30.000.000,00
	05 dự án					200.000.000,00
VII	UBND huyện Long Điền					
1	Kiến cố hóa kênh Mương Giang	xã An Nhứt	ĐTL	0,66	quý II/2018	30.000.000,00
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Bà Đắp	TT.Long Điền, xã An Ngãi, An Nhứt, Tam Phước	ĐTL	25,67	quý III/2018	55.000.000,00
3	Sửa chữa, cải tạo các vị trí mất an toàn giao thông tại 08 tuyến đường trên địa bàn tỉnh (Vị trí số 9: Nút giao công Bà Sáu)	xã An Ngãi, xã Tam Phước	ĐGT	0,53	quý III/2018	55.000.000,00
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Bà Đắp	TT.Long Điền, xã An Ngãi, An Nhứt, Tam Phước	ĐTL	25,67	quý III/2018	30.000.000,00
5	Trạm dịch vụ nông nghiệp huyện Long Điền	TT Long Điền	ĐTS	0,30	quý II/2018	30.000.000,00
6	Cụm CN-TTCN và hành lang đường vào Cụm CN-TTCN An Ngãi	xã An Ngãi	ĐSXKD	43,40	quý II/2018	55.000.000,00
	06 dự án				quý II/2018	225.000.000,00
VIII	UBND huyện Đất Đỏ					
1	Khu chế biến hải sản tập trung và cây xanh cách ly	xã Lộc An	ĐSKC	33,05	quý I/2018	77.000.000,00
2	Mở rộng khu chế biến hải sản tập trung	xã Lộc An	ĐSKC	12,00	quý I/2018	
3	Tuyến tránh Quốc lộ 55	thị trấn Đất Đỏ và xã Phước Long Thọ	DGT	13,89	quý II/2018	77.000.000,00
4	Đường Hải Lâm - Bàu Trú	thị trấn Phước Hải và xã Long Mỹ	ĐGT	3,72	quý II/2018	77.000.000,00
5	Đường Quy hoạch số 2	thị trấn Đất Đỏ	ĐGT	5,20	quý I/2018	77.000.000,00
6	Đường Quy hoạch D12 (Ngô Gia Tự)	thị trấn Phước Hải	ĐGT	0,63	quý III/2018	44.000.000,00
7	Đường Long Tân - Láng Dài	xã Long Tân	ĐGT	4,00	quý III/2018	77.000.000,00
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ TL 52 (Trường Tiểu học Võ Thị Sáu) đến ngã tư bà ĐỐI (theo đường Nguyễn Huệ)	thị trấn Đất Đỏ	ĐGT	1,52	quý II/2018	77.000.000,00
9	Đường dây 110kV 02 mạch từ Trạm 220kV Hàm Tân 2 - Xuyên Mộc - Bà Rịa - Trạm 220kV Châu Đức	xã Long Tân	ĐLN	0,05	Quý III/2018	33.000.000,00
10	Trường mầm non Lộc An	xã Lộc An	ĐGD	0,90	Quý I/2018	33.000.000,00
11	Trường Mầm non Phước Hải 4	thị trấn Phước Hải	ĐGD	1,20	Quý II/2018	44.000.000,00
12	Trường Mầm non Long Mỹ	xã Long Mỹ	ĐGD	0,70	Quý III/2018	33.000.000,00



Tên công trình, dự án	Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự án)	Diện tích (ha)	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn
Khu dân cư 7,6 ha	thị trấn Phước Hải	OĐT	7,60	Quý II/2018	77.000.000,00
13 dự án					726.000.000,00

**PHỤ LỤC 2**

CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN, THỪA ĐẤT DỰ KIẾN THUÊ ĐƠN VỊ TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ
NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BR-VT
(Kèm theo Quyết định số991...../QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2018)

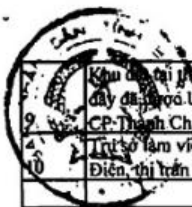
STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự án)	Diện tích (ha)	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn	Ghi chú
Danh mục dự án xác định giá đất cụ thể để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất								
I	UBND huyện Châu Đốc							
1	Đấu giá vị trí đất công Thừa 18 tờ 15, xã Xuân Sơn	Xã Xuân Sơn	ONT	0,12	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	15.000.000,00	
2	Đấu giá vị trí đất công Thừa 518 tờ 49, xã Đá Bạc	Xã Đá Bạc	ONT	0,38	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	15.000.000,00	
3	Đấu giá vị trí đất công Thừa 269 tờ 24N, Xã Láng Lớn	Xã Láng Lớn	ONT	0,06	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	15.000.000,00	
4	Đấu giá vị trí đất công Thừa 24 tờ 41, Xã Xá Bang	Xã Xá Bang	ONT	0,09	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	15.000.000,00	
5	Đấu giá vị trí trạm y tế cũ, xã Nghĩa Thành	Xã Nghĩa Thành	ONT	0,07	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	15.000.000,00	
6	Đấu giá vị trí đất công Thừa 157 tờ 14, Xã Láng Lớn	Xã Láng Lớn	ONT	0,29	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	15.000.000,00	
7	Đấu giá chợ xã Cù Bì	Xã Cù Bì	ONT	0,28	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	15.000.000,00	
8	Đấu giá vị trí đất công Thừa 276 tờ 27, xã Xuân Sơn	Xã Xuân Sơn	ONT	0,03	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	15.000.000,00	
9	Đấu giá vị trí đất công Thừa C/42 tờ 91A, TT. Ngải Giao	TT. Ngải Giao	ODT	0,03	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	15.000.000,00	
10	Đấu giá vị trí đất công Thừa C/54 tờ 14, Xã Láng Lớn	Xã Láng Lớn	ONT	0,01	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	15.000.000,00	
11	Lô đất đấu giá xây dựng Siêu thị	TT. Ngải Giao	SXKD	0,56	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	33.000.000,00	
12	Lô đất đấu giá tại xã Xá Bang	Xã Xá Bang	ONT	0,52	Đấu giá QSDĐ	Quý I/2018	15.000.000,00	
	12 dự án						198.000.000,00	



Trung Tâm Phát triển Quỹ Đất Tỉnh							
	Phường 1, TPV	ODT	2,81	Đầu giá QSĐĐ	Quý I/2018	70.000.000,00	
	Phường 5, TPV	ODT	0,06	Đầu giá QSĐĐ	Tháng 01/2018	70.000.000,00	
3	Lô đất thu hồi của DNTN Tuyết Minh	Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ.	SXKD	2,0	Đầu giá QSĐĐ	Tháng 01/2018	35.000.000,00
4	Lô đất Kho Hải sản Long Hải cũ	Thị trấn Long Hải Huyện Long Điền	SXKD	0,45	Đầu giá QSĐĐ	Tháng 01/2018	15.000.000,00
5	Lô số 2 khu đô thị đường 3 tháng 2, TPVT (Đất NHCT)	Phường 10, 11,	SXKD	5,44	Đầu giá QSĐĐ	Quý II/2018	60.000.000,00
6	Lô đất HTX Quyết Tiến thuộc QĐ số 1225/QĐ-UBND.	P. Phước Trung, TP. Bà Rịa	ODT	0,12	Đầu giá QSĐĐ	Quý II/2018	60.000.000,00
7	Khu đất thu hồi của Công ty Cổ phần Du Lịch Minh Đạm	TT Phước Hải, Huyện Đất Đỏ.	SXKD	7,38	Đầu giá QSĐĐ	Tháng 02/2018	15.000.000,00
8	Khu đất thu hồi của Công ty Cổ phần Thành Chí	Thị trấn Long Hải Huyện Long Điền	SXKD	0,69	Đầu giá QSĐĐ	Tháng 02/2018	35.000.000,00
9	Lô đất đấu giá tại xã Xà Bang, huyện châu Đức, tỉnh BR - VT	Xã Xà Bang, Huyện Châu Đức	ONT	0,5	Đầu giá QSĐĐ	Tháng 02/2018	35.000.000,00
10	Khu đất tại đường Thị Sách TP Vũng Tàu.	Phường 8, TPV	ODT	0,23	Đầu giá QSĐĐ	Quý III/2018	35.000.000,00
11	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Nhật Hoàng Minh.	Phường Phước Hưng, Huyện Long Điền	ODT	0,75	Đầu giá QSĐĐ	Quý III/2018	35.000.000,00
12	Khu đất thu hồi của Công ty Thanh Long.	TT Phước Hải, Huyện Đất Đỏ.	SXKD	12,0	Đầu giá QSĐĐ	Quý III/2018	60.000.000,00
13	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH ĐTXD-TM Sài Gòn.	TT Phước Hải, Huyện Đất Đỏ.	SXKD	2,43	Đầu giá QSĐĐ	Quý III/2018	60.000.000,00



	Khu đất thu hồi của Tổng Công ty Mía đường.	Thị trấn Long Hải Huyện Long Điền	SXKD	1,17	Đấu giá QSDĐ	Quý III/2018	60.000.000,00
15	Dự án Tổ hợp du lịch Mũi Nghinh Phong Vũng Tàu	Phường 2, TPV	SXKD	52,20	Đấu giá QSDĐ	Quý III/2018	70.000.000,00
16	Khu đất Chợ Du lịch Vũng Tàu	P. Thắng Tam TPVT	SXKD	3,70	Đấu giá QSDĐ	Quý III/2018	35.000.000,00
17	Khu đất trụ sở cũ của UBND tỉnh tại đường Thống Nhất, TPVT.	Phường 1, TPVT.	ÔĐT	1,14	Đấu giá QSDĐ	Quý III/2018	70.000.000,00
18	Khu du lịch nghỉ dưỡng Free Bình Châu	xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc	SXKD	21	Đấu giá QSDĐ	Quý III/2018	60.000.000,00
	18 dự án						880.000.000,00
III	UBND thành phố Bà Rịa						
1	Nhà máy gạch không nung Nhà Việt	phường Long Hương	SXKD	4,5	Đấu giá QS Đ	Quý IV/2018	20.000.000,00
	01 dự án						20.000.000,00
IV	UBND huyện Long Điền						
1	Đấu giá căn nhà số 186 Võ Thị Sáu	TT Long Điền	ÔĐT	0,01	đấu giá QSDĐ	Quý II/2018	55.000.000,00
2	Thửa đất số 155, 321, tờ bản đồ số 108 (giáp đất ông Nguyễn Trình sử dụng)	xã Phước Tỉnh	ÔĐT	0,01	đấu giá QSDĐ	Quý II/2018	60.000.000,00
3	Thửa đất số 301, tờ bản đồ số 01 (giáp đất ông Nguyễn Mậu Tư sử dụng)	xã Tam Phước	ÔĐT	0,01	đấu giá QSDĐ	Quý II/2018	30.000.000,00
4	Lô đất đấu giá tại thị trấn Long Hải (Kho Hải sản Long Hải cũ)	TT Long Hải	ĐSXKD	0,45	đấu giá QSDĐ	Quý II/2018	30.000.000,00
5	Khu đất thu hồi của tổng công ty Mía đường	TT Long Hải	ĐSXKD	1,16	đấu giá QSDĐ	Quý II/2018	30.000.000,00
6	Khu đất phía trước mặt tiền khu du lịch Deawon Thủ Đức, thuộc đất bãi bồi ven biển	TT Long Hải	ĐSXKD	1,00	đấu giá QSDĐ	Quý III/2018	30.000.000,00
7	Khu đất tiếp giáp bờ tường khu du lịch Deawon Thủ Đức đến hộ ông Nguyễn Văn Hùng, thuộc đất bãi bồi ven biển	Thị trấn Long Hải	ĐSXKD	1,00	đấu giá QSDĐ	Quý III/2018	30.000.000,00
8	Khu đất tiếp giáp bờ tường khu du lịch Hồng Quang đến bãi đá trước Mộ Cỏ, thuộc đất bãi bồi ven biển	Thị trấn Long Hải	ĐSXKD	1,00	đấu giá QSDĐ	Quý III/2018	30.000.000,00



Khu đất tại thị trấn Long Hải (Lô đất trước đây đã được UBND tỉnh giao cho Công ty CP Thanh Chí)	Thị trấn Long Hải	ĐSXKD	0,68	đấu giá QSDĐ	Quý IV/2018	30.000.000,00	
Tư vấn làm việc Quy tín dụng nhân dân Long Điền, thị trấn Long Hải	Thị trấn Long Hải	ĐSXKD	0,02	đấu giá QSDĐ	Quý IV/2018	30.000.000,00	
10 dự án						355.000.000,00	

PHỤ LỤC 3

CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN, THỪA ĐẤT DỰ KIẾN THUÊ ĐƠN VỊ TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ
NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BR-VT

(Kèm theo Quyết định số ..994...../QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2018)



	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Loại đất (thực hiện dự)	Diện tích (ha)	Mục đích định giá	Kế hoạch thực hiện	Dự toán kinh phí thuê Đơn vị tư vấn	Ghi chú
Danh mục dự án xác định giá đất cụ thể để thực hiện việc giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất								
I	UBND huyện Long Điền							
1	Khu dân cư phố chợ mới (giai đoạn 2,3) (TL:1/500)	huyện Long Điền	ÔĐT	4,90	giao đất	2018	30.000.000,00	
2	Đầu tư xây dựng - Kinh doanh Chợ Phước Lâm	huyện Long Điền	ÔĐT	5,7	thuê đất	2018	30.000.000,00	
	02 dự án						60.000.000,00	
II	UBND thành phố Bà Rịa							
3	Khu nhà ở và Nhà hàng Maxim's	thành phố Bà Rịa	ÔĐT	2,80	giao đất	2018	30.000.000,00	
4	Khu nhà ở Tuấn Hùng	thành phố Bà Rịa	ÔĐT	8,80	giao đất	2018	30.000.000,00	
5	Khu nhà ở Làng Xanh	thành phố Bà Rịa	ÔĐT	13,62	giao đất	2018	30.000.000,00	
6	Khu dự án Nhà ở Lan Anh 2	thành phố Bà Rịa	ÔĐT	34,56	giao đất	2018	30.000.000,00	
7	Khu nhà ở phường Long Tâm	thành phố Bà Rịa	ÔĐT	1,38	giao đất	2018	33.000.000,00	
8	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở phường Long Toàn	thành phố Bà Rịa	ÔĐT	7,38	giao đất	2018	33.000.000,00	
9	Khu dân cư Nam Quốc lộ 51	thành phố Bà Rịa	ÔĐT	39,00	giao đất	2018	44.000.000,00	
10	Khu nhà ở Gò Cát, phường Long Tâm	thành phố Bà Rịa	ÔĐT	3,68	giao đất	2018	44.000.000,00	
	10 dự án						274.000.000,00	
III	thành phố Vũng Tàu							
1	Dự án Bến thuyền du lịch	thành phố Vũng Tàu	SXKD	3,44	thuê đất	2018	44.000.000,00	



	Khu liên thương mại - văn phòng cho thuê và căn hộ chung cư	thành phố Vũng Tàu	SXKD	1,61	thuế đất	2018	44.000.000,00	
3	Khai thác mỏ hải sản Thành Phát	thành phố Vũng Tàu	SXKD	0,40	thuế đất	2018	44.000.000,00	
4	Khu liên hợp nhà ở, trường học, thể thao phường 10	thành phố Vũng Tàu	ODT	14,57	thuế đất	2018	44.000.000,00	
5	Chung cư Thương mại Biển Vàng Vũng Tàu (172 Hoàng Hoa Thám)	thành phố Vũng Tàu	ODT	0,40	thuế đất	2018	44.000.000,00	
6	Khu biệt thự đồi Nova	thành phố Vũng Tàu	ODT	2,46	thuế đất	2018	44.000.000,00	
7	Khu Nhà ở hải Đăng	thành phố Vũng Tàu	ODT	49,03	thuế đất	2018	44.000.000,00	
8	Dự án Nhà ở Công ty TNHH Hương Phong	thành phố Vũng Tàu	ODT	0,46	thuế đất	2018	44.000.000,00	
	08 dự án						352.000.000,00	
IV	UBND huyện Châu Đức							
1	Du lịch sinh thái Giếng Phun xã Đá Bạc	huyện Châu Đức	SXKD	13,00	thuế đất	2018	30.000.000,00	
2	Mỏ khai thác vật liệu đất sét tại xã Suối Rao	huyện Châu Đức	SXKD	24,80	thuế đất	2018	30.000.000,00	
	02 dự án							
V	UBND huyện Tân Thành							
1	Chung cư nhà ở xã hội công nhân thép Tung Ho	huyện Tân Thành	ODT	0,47	giao đất	2018	30.000.000,00	
2	Khu nhà ở xã hội HODECO	huyện Tân Thành	ODT	1,82	giao đất	2018	30.000.000,00	
3	Khu nhà ở công nhân Đức Bình	huyện Tân Thành	ODT	1,50	giao đất	2018	30.000.000,00	
4	KCN Mỹ Xuân B1-Tiền Hùng	huyện Tân Thành	SXKD	200,00	thuế đất	2018	30.000.000,00	
	04 dự án						120.000.000,00	
VI	UBND huyện Đất Đỏ							
1	Khu liên hợp xử lý chất thải	huyện Đất Đỏ	SXKD	51,74	thuế đất	2018	30.000.000,00	
2	Khu du lịch biển và nghỉ dưỡng	huyện Đất Đỏ	SXKD	14,07	thuế đất	2018	30.000.000,00	
	02 dự án						60.000.000,00	
VII	UBND huyện Xuyên Mộc							
1	Khu DL sinh thái và nghỉ dưỡng Thảo Dược	huyện Đất Đỏ	SXKD	16,68	thuế đất	2018	30.000.000,00	
2	Cửa hàng xăng, dầu Phú Sơn	huyện Xuyên Mộc	SXKD	0,85	thuế đất	2018	30.000.000,00	
3	Khu Biệt thự vườn Suối nước nóng Bình Châu	huyện Xuyên Mộc	SXKD	12,58	thuế đất	2018	30.000.000,00	



	Kế hoạch chế biến hải sản tập trung (Cụm công nghiệp hàng nghề)	huyện Xuyên Mộc	SXKD	22,22	thuế đất	2018	30.000.000,00	
5	Công ty TNHH Duy Phát	huyện Xuyên Mộc	SXKD	3,39	thuế đất	2018	30.000.000,00	
6	Công ty TNHH Hữu Minh	huyện Xuyên Mộc	SXKD	5,33	thuế đất	2018	30.000.000,00	
7	Công ty TNHH Hương Nhung	huyện Xuyên Mộc	SXKD	6,71	thuế đất	2018	30.000.000,00	
8	Khai thác đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Núi Lá tại xã Phước Tân	huyện Xuyên Mộc	SXKD	14,09	thuế đất	2018	30.000.000,00	
9	Khai thác vật liệu san lấp tại ấp Bà Rịa, xã Phước Tân (điểm mỏ 115)	huyện Xuyên Mộc	SXKD	5,45	thuế đất	2018	30.000.000,00	
10	Khai thác cát xây dựng, vật liệu san lấp tại xã Bưng Riềng	huyện Xuyên Mộc	SXKD	7,15	thuế đất	2018	30.000.000,00	
11	Khai thác cát xây dựng, vật liệu san lấp tại xã Bông Trang	huyện Xuyên Mộc	SXKD	41,44	thuế đất	2018	30.000.000,00	
	11 dự án						330.000.000,00	
VIII	Một số dự án khác							
	Dự án chuyển hình thức từ thuế đất hàng năm sang thuế đất trả tiền một lần theo quy định tại khoản 1 Điều 172 Luật Đất đai năm 2013 (giá trị khu đất trên 20 tỷ đồng theo Bảng giá đất)						80.000.000,00	
2	Dự án định giá để tính giá trị bồi thường theo Kết luận của Đoàn thanh tra						40.000.000,00	
							120.000.000,00	

✓